

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2019

Về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Tuấn Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Thái Thịnh**

2. Bà **Ma Thị Thu Loan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Vân Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Trí** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019/TLST - HNGĐ, ngày 26/3/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/7/2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lý Thị C**, sinh năm 1992; dân tộc: Cao lan; nghề nghiệp: Lao động tự do; Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1988; dân tộc: Cao lan; nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, chị Lý Thị C trình bày:

Chị và anh Trần Văn Q được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Sơn Dương vào ngày 13/4/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn và sinh sống tại thôn K, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng chị ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng không thể kéo dài. Nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh Q có 02 con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Trần Hải T, sinh ngày 22/3/2014 hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh Q. Khi vợ chồng chị ly hôn, chị có nguyện vọng giao các cháu cho anh Q nuôi dưỡng giáo dục vì bản thân chị không có việc làm và thu nhập ổn định để nuôi con. Không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định chị và anh Q không có tài sản gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai, anh Trần Văn Q trình bày:

Anh và chị Lý Thị C được tự do tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vã, huyện Sơn Dương vào ngày 13/4/2011. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương anh chị làm ăn và sinh sống tại thôn K, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do khoảng thời gian năm 2015 chị C tự ý bỏ nhà đi vào miền Nam cắt đứt liên lạc với anh. Sau này anh xin được số điện thoại của chị C, anh có khuyên bảo chị C quay về chung sống với nhau nhưng được một thời gian chị C lại tự ý bỏ đi không rõ nguyên nhân và lý do. Quá trình chung sống anh và chị C cũng hay cãi chửi nhau. Đến nay, chị C có đơn xin ly hôn nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Anh xác định giữa anh và chị C có 02 con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Trần Hải T, sinh ngày 22/3/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh. Trường hợp vợ chồng anh chị ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lan A và cháu T vì chị C thường xuyên không có mặt tại nhà. Anh không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh xác định, anh và chị C không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Trần Văn Q đến để giải quyết việc chị C đề nghị ly hôn nhưng anh Q đều không có mặt. Theo cung cấp của thôn K, xã V, huyện Sơn Dương, chị C và anh Q đăng ký kết hôn vào năm 2011. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại thôn K, xã V, huyện Sơn Dương. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu bình thường nhưng đến khoảng năm 2015 chị C bỏ hai con lại cho anh Q và đi khỏi địa phương. Đến đầu năm 2017, chị C quay về chung sống với anh Q, tuy nhiên theo thôn nắm được cuộc sống chung của anh chị cũng không có hạnh phúc vì thi thoảng chị C lại bỏ nhà đi, nguyên dân cụ thể thì thôn không biết được. Về con chung: chị C, anh Q có 02 con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Trần Hải T, sinh ngày 22/3/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh Q, nên đề nghị Tòa án giao cháu Lan A và cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh Q làm thợ xây mức thu nhập bình quân là 300.000đ/ngày. Về tài sản, đất đai, công nợ thôn không biết được. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho chị C, anh Q theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã hỏi ý kiến của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 22/02/2012, cháu Lan A có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lý Thị C được ly hôn với anh Trần Văn Q; giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Trần Hải T, sinh ngày 22/3/2014 cho anh Trần Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lý Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Lý Thị C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị C và anh Trần Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung không đạt được. Thực tế hiện nay chị C và anh Q không còn chung sống và quan tâm đến nhau nữa. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được, chị không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Mặc dù anh Q không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị C. Nhưng xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc không thể hòa giải được, mục đích của hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị C xin ly hôn với anh Trần Văn Q.

[2] Về con chung: Chị Lý Thị C và anh Trần Văn Q có 02 con chung là cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Trần Hải T, sinh ngày 22/3/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng bố. Quá trình giải quyết vụ án, chị C có nguyện vọng giao cháu Lan A, cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng vì bản thân chị không có việc làm và thu nhập ổn định để nuôi con. Đồng thời, anh Q cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lan A, cháu T. Cháu Trần Thị Lan A có nguyện vọng ở với bố. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Thị Lan A và cháu Trần Hải T cho anh Trần Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lý Thị C, anh Trần Văn Q xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lý Thị C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị C được ly hôn với anh Trần Văn Q.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Trần Hải T, sinh ngày 22/3/2014 cho anh Trần Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lý Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.
3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lý Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000842 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Trần Văn Q không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

